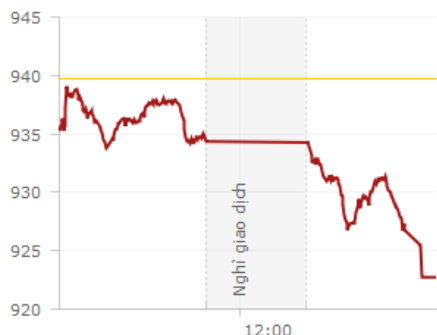
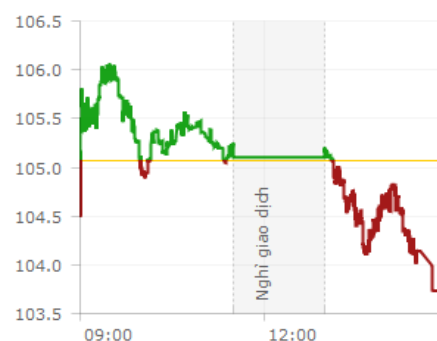


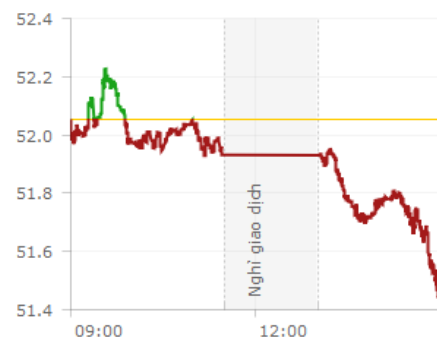
Vn-index: 16.95 điểm (1.80%)



Hnx-index: 1.34 điểm (1.27%)



Upcom-index: 0.54 điểm (1.04%)



Phân tích kỹ thuật Vn-index

Xu thế ngắn hạn: Tích lũy
 Xu thế trung hạn: Điều chỉnh
 Xu thế dài hạn: Tăng

Tiếp Tục Giảm Điểm Với Thanh Khoản Ở Mức Thấp!

Tổng hợp: (Phiên giao dịch ngày 24/10/2018). Lực cầu bắt đáy khá mạnh trong phiên chiều qua (23/10) chưa đủ để đem lại niềm tin cho nhà đầu tư. Áp lực bán vẫn tiếp tục đè nặng lên thị trường và nhấn chìm cả 2 chỉ số trong phiên hôm nay. Kết thúc phiên, VN-Index giảm 16,95 điểm (-1,8%) xuống 922,73 điểm với khối lượng giao dịch đạt 149,35 triệu CP, trị giá 3.542,4 tỷ đồng. HNX-Index giảm 1,34 điểm (-1,27%) xuống 103,73 điểm với khối lượng giao dịch đạt 38,6 triệu CP, trị giá 508,14 tỷ đồng.

Thanh khoản: Không xuất hiện lực cầu bắt đáy như phiên hôm qua, khiến cho thanh khoản hôm nay quay về mức thấp với tổng khối lượng giao dịch trên 2 sàn đạt 188 triệu CP, trị giá 4.050,5 tỷ đồng. Trong đó, giao dịch thỏa thuận chiếm 21,9 triệu CP, trị giá 630 tỷ đồng. Đáng chú ý có giao dịch thỏa thuận của 3,1 triệu Cp NVL trị giá 234 tỷ đồng; 460 nghìn CP VNM trị giá 56,6 tỷ đồng; 400 nghìn CP VIC trị giá 40 tỷ đồng; 400,7 nghìn CP MSN trị giá 32,9 tỷ đồng; 4,05 triệu CP SAM trị giá 31,4 tỷ đồng.

Điểm nhấn: Về cuối phiên chiều, diễn biến có phần trái ngược khá rõ nét so với phiên hôm qua, khi áp lực bán tăng mạnh mà thiếu lực cầu bắt đáy khiến cho cả 2 chỉ số có phiên giảm điểm khá sâu và đóng cửa thấp nhất ngày. Trong đó nhóm cổ phiếu dầu khí chịu ảnh hưởng nặng nề nhất từ đợt bán mạnh của thị trường vào cuối phiên. GAS và PVD đều bị kéo xuống mức giá sàn. PVS giảm 8,9% xuống 18.500 đồng/CP và khớp lệnh 6 triệu cổ phiếu. PLX giảm 3,8% xuống 55.800 đồng/CP.

Ngoài ra, phần lớn các CP vốn hóa lớn của thị trường cũng giảm khá sâu trong phiên hôm nay như MSN giảm 3,2%, PNJ giảm 3%, VCS giảm 2,4%, VHM giảm 2,2%, ROS giảm 1,2%... Điểm sáng khá nổi bật trong phiên đến từ nhóm CP ngân hàng khi có nhịp hồi phục khá tốt trong phiên sáng nhờ kết quả kinh doanh công bố là tích cực. Song áp lực bán là khá mạnh về cuối phiên khiến cho ba mã ACB, VCB và MBB đều đảo chiều giảm trở lại, đáng chú ý có BID giảm sâu đến 6,6% xuống còn 32.600 đồng/CP và khớp lệnh 2,2 triệu cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, chỉ có 3 cổ phiếu ngân hàng hiếm hoi còn duy trì được sắc xanh là EIB, STB và TPB...

Khôi ngoại: Khôi ngoại bán ròng khá mạnh trong phiên hôm nay với giá trị 110 tỷ đồng trên toàn thị trường và là phiên bán ròng thứ 4 liên tiếp. Trên HoSE, khôi ngoại tiếp tục có phiên bán ròng khá mạnh với 653 nghìn cổ phiếu, tương ứng giá trị 116,75 tỷ đồng. Trên HNX, khôi ngoại đã mua ròng nhẹ 205 triệu đồng trong phiên hôm nay.

Phân tích kỹ thuật Hnx-index

Xu thế ngắn hạn: Tích lũy
Xu thế trung hạn: Điều chỉnh
Xu thế dài hạn: Tăng

Nhóm ngành: Áp lực bán hoàn toàn chiếm ưu thế trong phiên hôm nay, cụ thể có 17/18 nhóm ngành giảm điểm. Nhóm ngành khí đốt giảm rất sâu với (-5,81%) theo sau đó là nhóm dầu khí giảm (-4,59%), nhóm ngân hàng, bán lẻ, hàng gia dụng, dịch vụ tài chính có mức giảm điểm lần lượt từ (-1,50%) đến (-2,45%), còn lại các nhóm ngành khác giảm với biên độ không đáng kể. Ở chiều tăng điểm, thì chỉ có duy nhất nhóm bảo hiểm mới giữ được sắc xanh với mức tăng nhẹ 0,69%...

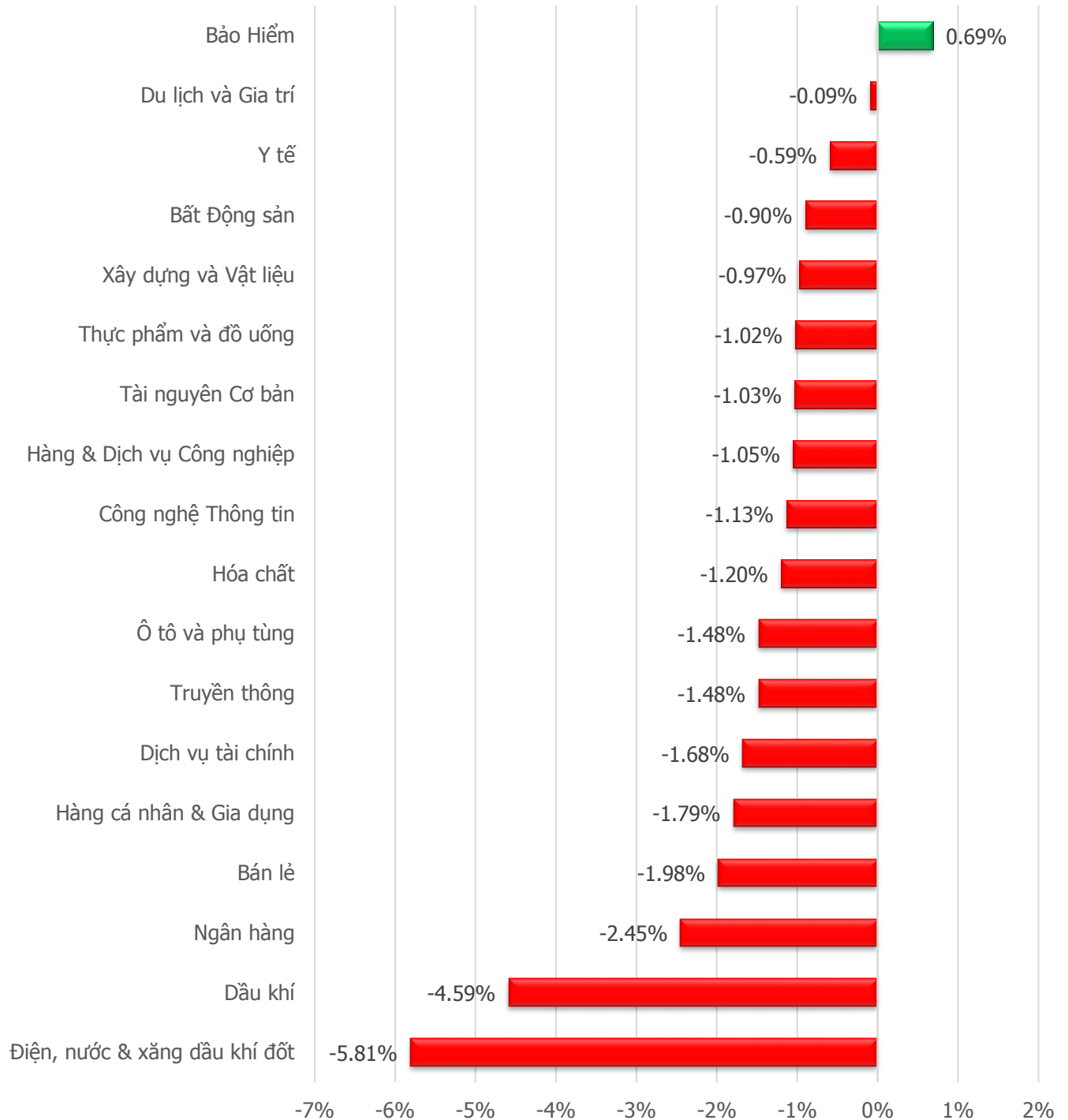
Nhóm CP vốn hóa lớn: Toàn bộ 10 mã vốn hóa lớn nhất thị trường đều đóng cửa trong sắc đỏ, trong đó giảm mạnh nhất là GAS khi đóng cửa ở mức sàn 101.800 đồng, BID dù thoát mức sàn, nhưng cũng giảm tới 6,6%, xuống mức thấp nhất ngày 32.600 đồng với 2,2 triệu đơn vị được khớp. Tiếp đến là TCB giảm 4,68%, xuống 26.500 đồng, MSN giảm 3,23%, xuống 75.000 đồng, VHM giảm 2,16% xuống 72.500 đồng, CTG giảm 1,9%, xuống 23.200 đồng. Các mã còn lại giảm dưới 1%...

Nhóm CP thanh khoản: STB là mã có thanh khoản tốt nhất với 6,6 triệu đơn vị, tiếp đến là HSG với 5,55 triệu đơn vị, đóng cửa giảm 3,88%, xuống 9.900 đồng; HPG với 5,2 triệu đơn vị, đóng cửa giảm 0,76%, xuống 39.200 đồng; SSI khớp 4,28 triệu đơn vị...

KHUYẾN NGHỊ ĐẦU TƯ: Áp lực bán vẫn tiếp tục chiếm thế chủ động trong phiên hôm nay, mặc dù phiên trước đó đã xuất hiện lực cầu bắt đáy về cuối phiên. Với đà giảm như mấy phiên gần đây thì các chỉ số đang tiến gần tới các ngưỡng hỗ trợ ngắn hạn (920 điểm với chỉ số Vn-index và 102,5 điểm với chỉ số Hn-index) mà chúng tôi đã kỳ vọng trong khoảng thời gian 2 tuần trước đó. Tuy nhiên, khi nghiên cứu phần lớn các CP vốn hóa lớn, thì chúng tôi nhận thấy xung lực giảm điểm vẫn còn khá mạnh và xác suất là thị trường còn có khả năng tiếp tục điều chỉnh. Vì vậy, sau khoảng thời gian khá dài với khuyến nghị ưu tiên đứng ngoài quan sát và kiên nhẫn chờ đợi, thì chúng tôi vẫn chưa nhận thấy một dấu hiệu nào có thể cho thấy thị trường sẽ đảo chiều tăng điểm. Ở chiều hướng bắt đáy, chúng tôi khuyến nghị dùng một phần rất nhỏ để mở vị thế mua thăm dò trong phiên ngày mai, khi các chỉ số chạm đến các ngưỡng hỗ trợ trên và chỉ tăng thêm tỷ trọng khi thị trường test các ngưỡng hỗ trợ và bật tăng mạnh trở lại.

BIẾN ĐỘNG GIÁ CỔ PHIẾU THEO NHÓM NGÀNH

Biến động giá theo ngành



NHÓM CÁC CỔ PHIẾU CÓ GIAO DỊCH ĐỘT BIẾN

HOSE TOP TĂNG GIÁ

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
BTT	40,550	2,650	6.99%	10
CMX	9,380	610	6.96%	107,540
ABT	43,950	2,850	6.93%	30
ASM	10,850	700	6.90%	3,697,990
HVG	6,070	390	6.87%	1,015,280

HNX TOP TĂNG GIÁ

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
PJC	37,400	3,400	10.00%	100
SPI	1,100	100	10.00%	101,000
PPY	14,300	1,300	10.00%	838
SRA	77,400	7,000	10.00%	78,740
MIM	24,700	2,200	9.94%	100

HOSE TOP GIẢM GIÁ

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
MCG	2,930	-220	-6.98%	6,010
TGG	8,840	-660	-6.95%	2,423,440
GAS	101,800	-7,600	-6.95%	798,130
VSI	24,850	-1,850	-6.93%	4,950
DXV	3,630	-270	-6.92%	2,310

HNX TOP GIẢM GIÁ

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
L14	37,900	-4,200	-9.98%	141,220
VCM	14,600	-1,600	-9.88%	100
SEB	28,400	-3,100	-9.84%	1,800
TPP	12,500	-1,300	-9.42%	2,700
BPC	13,600	-1,400	-9.33%	529

HOSE TOP KHỐI LƯỢNG GD ĐỘT BIẾN

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
HSG	9,900	-400	-3.88%	5,547,080
HPG	39,200	-300	-0.76%	5,213,790
SSI	28,300	-700	-2.41%	4,276,680
PVD	16,350	-1,200	-6.84%	3,965,740
ASM	10,850	700	6.90%	3,697,990

HNX TOP KHỐI LƯỢNG GD ĐỘT BIẾN

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
PVS	18,500	-1,800	-8.87%	6,125,021
ACB	29,300	-300	-1.01%	3,420,367
VCG	18,600	100	54.00%	1,132,412
HHG	1,800	-100	-5.26%	658,202
NDN	13,900	-1,000	-6.71%	518,090

HOSE TOP GIÁ TRỊ GD NHIỀU NHẤT

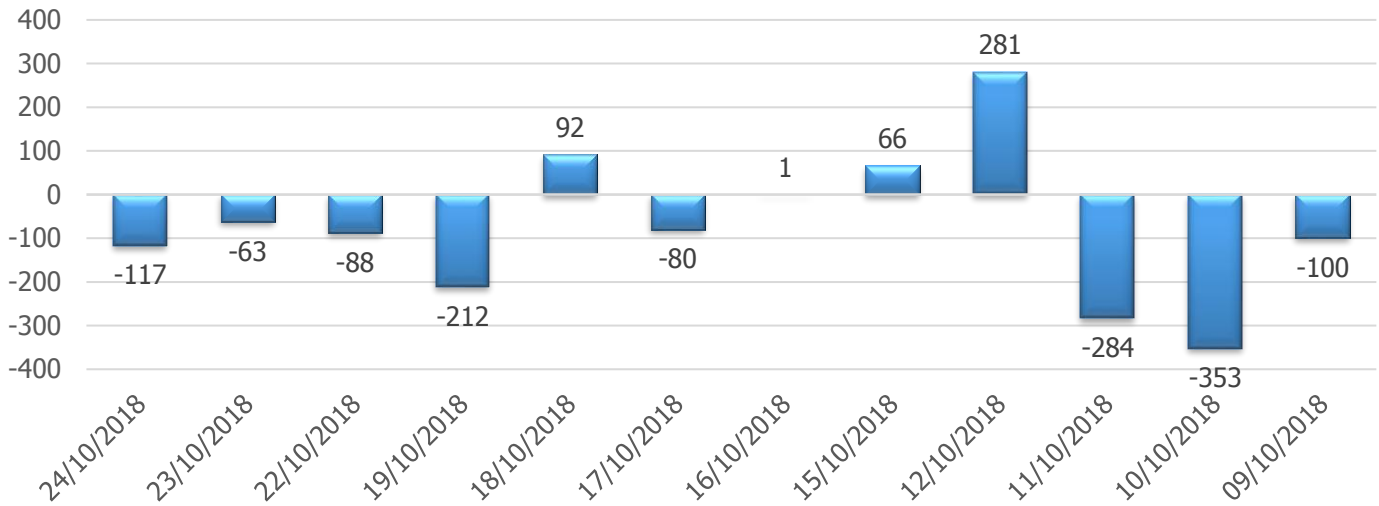
Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
STB	12,600	50	0.40%	6,594,420
HSG	9,900	-400	-3.88%	5,547,080
HPG	39,200	-300	-0.76%	5,213,790
SSI	28,300	-700	-2.41%	4,276,680
PVD	16,350	-1,200	-6.84%	3,965,740

HNX TOP GIÁ TRỊ GD NHIỀU NHẤT

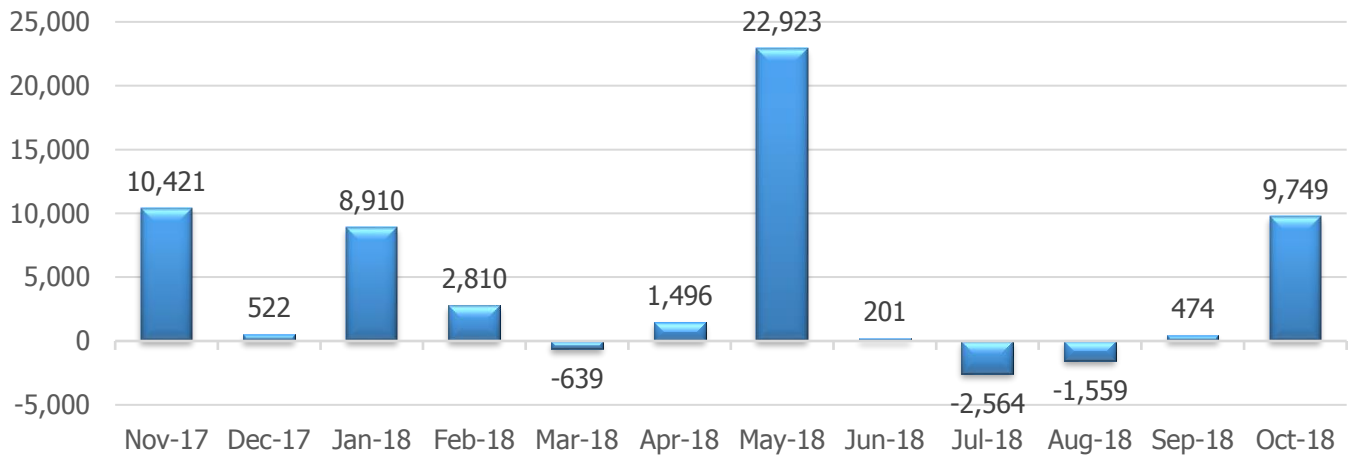
Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
PVS	18,500	-1,800	-8.87%	6,125,021
SHB	7,800	-100	-1.27%	4,388,897
ACB	29,300	-300	-1.01%	3,420,367
ART	4,600	-300	-6.12%	2,497,009
HUT	5,600	0	0.00%	2,054,020

GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài 12 phiên gần nhất (tỷ VNĐ)



Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài 12 tháng gần nhất (tỷ VNĐ)



HOSE TOP MUA-BÁN RÒNG

Top mua ròng		Top bán ròng	
Mã CP	Giá trị (Tỷ đồng)	Mã CP	Giá trị (Tỷ đồng)
HPG	28.19	MSN	84.84
SSI	21.88	NVL	33.32
STB	19.94	VIC	21.77
VCB	19.69	GAS	15.24
VND	6.87	BID	13.78

HNX TOP MUA-BÁN RÒNG

Top mua ròng		Top bán ròng	
Mã CP	Giá trị (Tỷ đồng)	Mã CP	Giá trị (Tỷ đồng)
PVS	2.89	VNC	2.81
DXP	0.44	VGC	1.24
INN	0.16	VCG	0.35
NET	0.13	PVX	0.07
DHT	0.13	THB	0.04

DANH MỤC MỘT SỐ QUỸ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI LỚN TẠI VIỆT NAM

Vina Capital (VOF)												
STT	Ma CP	% Phân bổ	Vốn hóa	Gía trị sổ sách	EPS	ROA	ROE	P/E	P/B	KLGDĐQ 6T	Gía hiện tại	Tăng/giảm 12T
		%	tỷ vnd	vnd	vnd	%	%	lần	lần	cổ phiếu	ngàn vnd	%
1	HPG	13.40%	83,894	17,186	4,242	16.4%	26.8%	9.31	2.30	5,909,443	39,200	49.05%
2	VNM	10.90%	215,066	14,956	5,631	28.5%	38.9%	21.93	8.26	1,071,529	122,600	3.06%
3	ACV	9.00%	176,141	12,877	2,559	11.1%	20.3%	31.62	6.28	109,059	80,400	20.82%
4	KDH	6.30%	12,607	15,666	1,499	5.5%	8.5%	20.31	1.94	274,123	30,500	27.72%
5	PNJ	6.10%	16,052	20,860	5,651	18.8%	28.3%	17.52	4.75	535,998	96,000	41.46%
6	VJC	4.70%	68,785	21,699	8,715	15.1%	45.4%	14.57	5.85	746,903	126,800	43.35%
7	QNS	3.20%	12,281	16,802	3,697	14.7%	23.7%	11.35	2.50	268,936	41,000	-20.43%
8	EIB	3.10%	16,474	12,183	1,003	0.9%	8.6%	13.35	1.10	2,154,129	13,800	17.03%
9	CTD	3.00%	11,508	####	21,250	11.2%	22.5%	6.92	1.42	212,054	145,000	-26.97%
10	PVS	2.60%	9,068	23,998	1,621	3.1%	6.0%	12.53	0.85	5,278,942	18,500	31.51%
	Tổng	62.80%										

Dragon Capital (VEIL)												
STT	Ma CP	% Phân bổ	Vốn hóa	Gía trị sổ sách	EPS	ROA	ROE	P/E	P/B	KLGDĐQ 6T	Gía hiện tại	Tăng/giảm 12T
		%	tỷ vnd	vnd	vnd	%	%	lần	lần	cổ phiếu	ngàn vnd	%
1	ACB	7.20%	36,916	14,688	2,887	1.2%	21.5%	10.25	2.02	4,380,831	29,300	21.96%
2	MWG	7.20%	38,582	23,262	8,487	12.2%	41.3%	14.08	5.14	615,109	116,500	-3.43%
3	MBB	7.07%	46,234	14,554	2,341	1.4%	14.9%	9.14	1.47	6,044,658	21,050	17.16%
4	VNM	6.27%	215,066	14,956	5,631	28.5%	38.9%	21.93	8.26	1,071,529	122,600	3.06%
5	KDH	5.13%	12,607	15,666	1,499	5.5%	8.5%	20.31	1.94	274,123	30,500	27.72%
6	HPG	4.04%	83,894	17,186	4,242	16.4%	26.8%	9.31	2.30	5,909,443	39,200	49.05%
7	FPT	4.00%	25,892	19,170	5,078	11.7%	23.0%	8.31	2.20	1,145,884	41,800	3.35%
8	GAS	3.94%	209,386	22,203	6,557	17.5%	25.7%	16.68	4.93	600,061	101,800	69.73%
9	ACV	3.59%	176,141	12,877	2,559	11.1%	20.3%	31.62	6.28	109,059	80,400	20.82%
10	VJC	3.37%	68,785	21,699	8,715	15.1%	45.4%	14.57	5.85	746,903	126,800	43.35%
	Tổng	51.81%										

Dragon Capital (VEF)												
STT	Ma CP	% Phân bổ	Vốn hóa	Gía trị sổ sách	EPS	ROA	ROE	P/E	P/B	KLGDĐQ 6T	Gía hiện tại	Tăng/giảm 12T
		%	tỷ vnd	vnd	vnd	%	%	lần	lần	cổ phiếu	ngàn vnd	%
1	VPB	14.23%	56,014	13,020	2,757	2.6%	24.1%	8.27	1.75	4,755,357	22,150	-9.58%
2	MWG	13.30%	38,582	23,262	8,487	12.2%	41.3%	14.08	5.14	615,109	116,500	-3.43%
3	PNJ	8.57%	16,052	20,860	5,651	18.8%	28.3%	17.52	4.75	535,998	96,000	41.46%
4	FPT	4.88%	25,892	19,170	5,078	11.7%	23.0%	8.31	2.20	1,145,884	41,800	3.35%
5	MBB	4.79%	46,234	14,554	2,341	1.4%	14.9%	9.14	1.47	6,044,658	21,050	17.16%
6	DHG	4.63%	11,401	22,423	4,553	14.3%	21.0%	19.15	3.89	251,066	87,000	-19.65%
7	CTD	4.60%	11,508	####	21,250	11.2%	22.5%	6.92	1.42	212,054	145,000	-26.97%
8	CII	4.18%	6,032	20,276	-60	-0.1%	-0.2%	410.59	1.22	685,402	24,500	-26.85%
9	CTI	3.52%	1,622	19,388	2,162	3.1%	9.6%	11.91	1.33	427,546	25,850	-1.56%
10	VCI	3.41%	9,128	23,161	5,375	13.6%	28.3%	10.42	2.42	180,549	55,000	21.60%
	Tổng	62.80%										

VNM ETF												
STT	Ma CP	% Phân bổ	Vốn hóa	Gía trị sổ sách	EPS	ROA	ROE	P/E	P/B	KLGDQB 6T	Gía hiện tại	Tăng/giảm 12T
		%	tỷ vnd	vnd	vnd	%	%	lần	lần	cổ phiếu	ngàn vnd	%
1	VIC	6.90%	315,971	13,105	1,136	1.6%	5.8%	87.14	7.55	2,447,353	98,800	116.24%
2	NVL	6.62%	64,823	18,333	2,255	3.7%	13.6%	31.44	3.87	3,627,531	72,900	50.77%
3	VNM	8.29%	215,066	14,956	5,631	28.5%	38.9%	21.93	8.26	1,071,529	122,600	3.06%
4	VCB	5.44%	200,755	16,261	3,140	1.2%	20.3%	17.77	3.43	2,422,875	55,500	41.65%
5	MSN	5.47%	90,144	14,628	5,210	8.9%	26.1%	14.88	5.30	2,487,470	75,000	38.39%
6	ROS	3.86%	21,540	10,141	1,374	7.6%	14.0%	27.62	3.74	1,398,540	37,500	-69.80%
7	HPG	4.89%	83,894	17,186	4,242	16.4%	26.8%	9.31	2.30	5,909,443	39,200	49.05%
8	Mani	4.77%	106	12,084	1,038	6.5%	8.8%	6.74	0.58	28,155	6,800	-4.55%
9	SSI	4.16%	14,476	18,192	2,593	6.6%	14.4%	11.19	1.59	4,350,796	28,300	26.68%
10	Eclat	4.21%	16	17,931	1,776	6.8%	9.5%	5.07	0.50	25	9,000	-30.07%
11	BVH	3.52%	64,482	21,713	1,816	1.3%	8.4%	50.67	4.24	157,234	93,000	72.58%
12	Synopex	2.44%	966	15,508	1,752	8.2%	9.6%	8.22	0.93	36,674	14,300	42.33%
13	SOCO	3.68%	4,556	12,458	1,131	2.7%	6.3%	10.70	0.97	1,251	12,100	0.00%
14	RMIL	2.24%	11	10,483	1,079	0.0%	0.0%	9.26	0.95	0	10,000	0.00%
15	Hansae	4.06%	1,255	10,943	816	0.0%	0.0%	10.90	0.81	102	8,900	-5.94%
16	VCG	1.85%	8,172	14,438	2,875	6.1%	16.7%	6.44	1.28	1,118,993	18,600	-6.64%
17	STB	1.83%	22,636	13,185	739	0.4%	6.3%	16.98	0.95	6,593,753	12,600	11.06%
18	SBT	2.31%	10,206	12,201	1,110	3.0%	8.0%	18.55	1.69	4,117,873	20,700	-1.90%
19	TCH	2.35%	7,295	12,751	1,075	7.8%	8.7%	19.20	1.62	1,108,321	20,200	37.04%
20	MCNEX	1.24%	20	0	-2,371	0.0%	0.0%	-2.36	0.00	45	5,600	5.66%
21	KDC	0.09%	5,316	29,308	-82	-0.2%	-0.2%	-	0.88	367,234	25,950	-28.99%
22	DPM	1.26%	7,005	20,403	1,670	5.9%	7.8%	10.72	0.88	697,166	17,650	-9.68%
23	NT2	1.23%	6,851	12,815	2,947	8.4%	18.5%	8.08	1.86	344,741	23,650	3.94%
24	HKG	0.07%	62	9,421	-901	-	-	-1.33	0.13	94,862	1,200	-50.00%
25	DCMI	0.19%	5,294	12,289	925	3.9%	7.8%	10.81	0.81	537,442	9,730	-19.15%
26	U.S.Dollar	-0.17%	328	13,205	2,123	7.3%	14.5%	5.04	0.81	20,212	10,250	11.79%
27	VRE	5.29%	70,340	14,321	1,057	5.6%	7.9%	34.99	2.58	2,232,352	36,200	0.00%
28	VIC	6.90%	315,971	13,105	1,136	1.6%	5.8%	87.14	7.55	2,447,353	98,800	116.24%
Tổng		100%										

FTSE Vietnam Index ETF												
STT	Ma CP	% Phân bổ	Vốn hóa	Gía trị sổ sách	EPS	ROA	ROE	P/E	P/B	KLGDQB 6T	Gía hiện tại	Tăng/giảm 12T
		%	tỷ vnd	vnd	vnd	%	%	lần	lần	cổ phiếu	ngàn vnd	%
1	HPG	15.60%	83,894	17,186	4,242	16.4%	26.8%	9.31	2.30	5,909,443	39,200	49.05%
2	VIC	15.41%	315,971	13,105	1,136	1.6%	5.8%	87.14	7.55	2,447,353	98,800	116.24%
3	MSN	15.32%	90,144	14,628	5,210	8.9%	26.1%	14.88	5.30	2,487,470	75,000	38.39%
4	VNM	12.55%	215,066	14,956	5,631	28.5%	38.9%	21.93	8.26	1,071,529	122,600	3.06%
5	VCB	6.80%	200,755	16,261	3,140	1.2%	20.3%	17.77	3.43	2,422,875	55,500	41.65%
6	NVL	5.84%	64,823	18,333	2,255	3.7%	13.6%	31.44	3.87	3,627,531	72,900	50.77%
7	ROS	5.14%	21,540	10,141	1,374	7.6%	14.0%	27.62	3.74	1,398,540	37,500	-69.80%
8	PVS	5.10%	9,068	23,998	1,621	3.1%	6.0%	12.53	0.85	5,278,942	18,500	31.51%
9	SSI	4.08%	14,476	18,192	2,593	6.6%	14.4%	11.19	1.59	4,350,796	28,300	26.68%
10	STB	2.88%	22,636	13,185	739	0.4%	6.3%	16.98	0.95	6,593,753	12,600	11.06%
Tổng		88.72%										

MSCI Frontier Markets Index												
STT	Ma CP	% Phân bố	Vốn hóa	Gía trị sổ sách	EPS	ROA	ROE	P/E	P/B	KLGD BQ 6T	Gía hiện tại	Tăng/giảm 12T
		%	tỷ vnđ	vnđ	vnđ	%	%	lần	lần	cổ phiếu	ngàn vnđ	%
1	VNM	5.65%	215,066	14,956	5,631	28.5%	38.9%	21.93	8.26	1,071,529	122,600	3.06%
2	VIC	2.76%	315,971	13,105	1,136	1.6%	5.8%	87.14	7.55	2,447,353	98,800	116.24%
3	MSN	1.81%	90,144	14,628	5,210	8.9%	26.1%	14.88	5.30	2,487,470	75,000	38.39%
4	HPG	1.43%	83,894	17,186	4,242	16.4%	26.8%	9.31	2.30	5,909,443	39,200	49.05%
5	ROS	0.63%	21,540	10,141	1,374	7.6%	14.0%	27.62	3.74	1,398,540	37,500	-69.80%
6	NVL	0.58%	64,823	18,333	2,255	3.7%	13.6%	31.44	3.87	3,627,531	72,900	50.77%
7	VRE	0.48%	70,340	14,321	1,057	5.6%	7.9%	34.99	2.58	2,232,352	36,200	0.00%
8	SSI	0.45%	14,476	18,192	2,593	6.6%	14.4%	11.19	1.59	4,350,796	28,300	26.68%
9	STB	0.32%	22,636	13,185	739	0.4%	6.3%	16.98	0.95	6,593,753	12,600	11.06%
10	SAB	0.28%	142,942	24,496	7,384	22.0%	30.1%	30.19	9.10	84,463	222,000	-18.77%
11	PVS	0.20%	9,068	23,998	1,621	3.1%	6.0%	12.53	0.85	5,278,942	18,500	31.51%
12	SBT	0.19%	10,206	12,201	1,110	3.0%	8.0%	18.55	1.69	4,117,873	20,700	-1.90%
13	HSG	0.15%	3,964	13,568	1,861	3.1%	13.4%	5.53	0.76	4,012,781	9,900	-55.11%
14	TCH	0.14%	7,295	12,751	1,075	7.8%	8.7%	19.20	1.62	1,108,321	20,200	37.04%
15	DPM	0.13%	7,005	20,403	1,670	5.9%	7.8%	10.72	0.88	697,166	17,650	-9.68%
16	KBC	0.10%	5,731	18,217	937	2.8%	4.8%	13.02	0.67	2,491,118	11,900	-8.27%
Tổng		15.3%										

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ

	Cổ phiếu	Gía Mua cao nhất	Gía Bán cao nhất	Cắt lỗ	Gía đóng cửa	Vùng Mua dự kiến	Vùng Bán dự kiến	Ngày Mua	Ngày Bán	Lợi nhuận	Cập nhật
Danh Mục Đang Năm Giữ	HAT	40.4	44.8	36.8	42.00	40.0		24/10/2018		5.0%	Nắm giữ
	ANV	24.0	26.7	21.9	24.15	23.8		24/10/2018		1.5%	Nắm giữ
	DP3	86.1	95.4	78.4	83.60	85.2		23/10/2018		-1.9%	Nắm giữ
	LTG	37.9	42.0	34.5	37.40	37.5		22/10/2018		-0.3%	Nắm giữ
	FMC	27.8	30.8	25.3	26.55	27.5		18/10/2018		-3.5%	Cần bán
	TDT	11.9	13.2	10.9	12.50	11.80		15/10/2018		5.9%	Nắm giữ
	CTI	26.4	29.2	24.0	25.85	26.1		11/10/2018		-1.0%	Nắm giữ
	MBG	5.3	5.8	4.8	5.00	5.2		11/10/2018		-3.8%	Nắm giữ
	VNS	17.4	19.3	15.8	17.30	17.20		18/09/2018		0.6%	Nắm giữ
QNS	40.2	44.6	36.6	41.60	39.8		20/07/2018		4.5%	Nắm giữ	
Danh Mục Đã Bán	NTC	65.7	72.8	59.8	73.30	65.00	74.0	16/08/2018	02/10/2018	29.5%	Đã bán
	POM	15.2	16.8	13.8	17.80	15.00	14.5	13/09/2018	08/10/2018	24.3%	Đã bán
	PAC	40.8	45.2	37.2	44.50	40.40	45.2	10/09/2018	12/10/2018	11.9%	Đã bán
	NDN	14.0	15.6	12.8	15.10	13.90	15.5	07/09/2018	12/10/2018	11.5%	Đã bán
	SAB	206.0	228.5	187.7	220.00	204.00	222.0	10/08/2018	22/10/2018	8.8%	Đã bán
	PTB	62.1	68.9	56.6	65.50	61.50	64.0	21/09/2018	18/10/2018	4.1%	Đã bán
DVN	17.1	18.9	15.5	17.80	16.90	17.7	21/09/2018	09/10/2018	4.7%	Đã bán	

SSI	32.0	35.5	29.2	33.20	31.70	33.2	12/09/2018	02/10/2018	4.7%	Đã bán
DHG	93.4	103.6	85.1	97.00	92.50	97.0	14/09/2018	03/10/2018	4.9%	Đã bán
DCM	10.4	11.5	9.5	10.90	10.30	10.8	20/09/2018	08/10/2018	4.9%	Đã bán
PDR	25.9	28.7	23.6	26.50	25.60	26.5	12/09/2018	08/10/2018	3.5%	Đã bán
CAV	55.7	61.7	50.7	57.50	55.10	57.5	14/08/2018	08/10/2018	4.4%	Đã bán
HSG	11.2	12.4	10.2	12.55	11.10	11.7	14/09/2018	11/10/2018	5.4%	Đã bán
BMP	58.0	64.3	52.8	63.00	57.40	58.6	18/09/2018	11/10/2018	2.1%	Đã bán
CAP	42.1	46.7	38.4	40.50	41.70	40.0	31/08/2018	18/10/2018	1.8%	Đã bán
PHR	26.6	29.5	24.2	28.00	26.30	26.4	18/09/2018	11/10/2018	0.4%	Đã bán
DPR	37.1	41.1	33.8	37.50	36.70	37.6	23/08/2018	12/10/2018	2.5%	Đã bán
PPC	18.2	20.2	16.6	18.25	18.0	18.7	19/07/2018	12/10/2018	3.9%	Đã bán
FMC	28.0	31.0	25.5	27.60	27.7	27.7	03/10/2018	08/10/2018	0.0%	Đã bán
HBC	24.3	27.0	22.2	23.00	24.1	23.3	19/10/2018	24/10/2018	-3.3%	Đã bán
PVD	19.1	21.2	17.4	17.60	18.9	17.4	18/10/2018	24/10/2018	-7.9%	Đã bán
L14	47.7	52.9	43.4	42.10	47.2	43.4	11/10/2018	23/10/2018	-8.1%	Đã bán
LHG	23.5	26.1	21.4	22.20	23.3	22.4	11/10/2018	19/10/2018	-3.9%	Đã bán
VSC	45.2	50.2	41.2	43.00	44.8	43.2	15/10/2018	22/10/2018	-3.6%	Cần bán
MBB	23.5	26.1	21.4	21.25	23.3	21.7	09/10/2018	12/10/2018	-6.9%	Đã bán
TPB	26.6	29.5	24.2	24.90	26.3	25.2	09/10/2018	12/10/2018	-4.2%	Đã bán
VIP	7.3	8.0	6.6	7.00	7.2	7.1	08/10/2018	12/10/2018	-1.1%	Đã bán
PNJ	105.0	116.5	95.7	102.20	104.0	103.5	01/10/2018	12/10/2018	-0.5%	Đã bán
TDH	11.7	12.9	10.6	11.45	11.6	11.5	25/09/2018	12/10/2018	-0.4%	Đã bán
DQC	29.7	32.9	27.0	28.00	29.4	28.9	24/09/2018	12/10/2018	-1.7%	Đã bán
EIB	14.2	15.8	13.0	13.50	14.10	13.7	22/08/2018	12/10/2018	-2.8%	Đã bán
BFC	26.7	29.6	24.3	25.80	26.4	26.0	24/07/2018	12/10/2018	-1.5%	Đã bán
LTG	38.4	42.6	35.0	36.50	38.00	36.9	25/06/2018	12/10/2018	-2.9%	Đã bán
AMD	3.7	4.1	3.4	3.58	3.70	3.4	05/09/2018	11/10/2018	-8.1%	Đã bán
NT2	27.9	30.9	25.4	26.10	27.60	25.0	14/09/2018	11/10/2018	-8.0%	Đã bán
DCL	14.3	15.9	13.1	13.35	14.2	13.1	02/10/2018	11/10/2018	-7.7%	Đã bán
BVS	15.5	17.1	14.1	15.00	15.3	14.1	03/10/2018	11/10/2018	-7.8%	Đã bán
BID	36.4	40.3	33.1	35.35	36.0	33.1	05/10/2018	11/10/2018	-8.1%	Đã bán
ASM	12.8	14.2	11.7	12.10	12.70	12.1	05/09/2018	10/10/2018	-4.7%	Đã bán
CSV	36.8	40.8	33.5	35.20	36.40	36.0	21/09/2018	03/10/2018	-1.1%	Đã bán
EVE	16.7	18.5	15.2	16.40	16.5	16.3	26/07/2018	02/10/2018	-1.2%	Đã bán
FLC	6.3	6.9	5.7	6.04	6.2	5.7	26/09/2018	09/10/2018	-8.1%	Đã bán
PAN	59.5	66.0	54.2	56.00	58.90	56.0	21/08/2018	02/10/2018	-4.9%	Đã bán
SLS	65.7	72.8	59.8	62.50	65.00	63.4	31/08/2018	01/10/2018	-2.5%	Đã bán
FMC	21.5	23.9	19.6	26.10	21.30	26.5	13/08/2018	17/09/2018	24.4%	Đã bán
PVT	15.0	16.7	13.7	16.75	14.9	17.0	12/07/2018	28/08/2018	21.5%	Đã bán
PVS	16.7	18.5	15.2	18.90	16.5	19.2	19/07/2018	16/08/2018	16.4%	Đã bán
NVB	7.4	8.2	6.7	8.10	7.30	8.2	15/08/2018	28/08/2018	12.3%	Đã bán
OGC	2.0	2.2	1.8	2.10	2.00	2.2	08/08/2018	16/08/2018	10.0%	Đã bán
CEO	12.9	14.3	11.8	13.80	12.80	13.5	15/08/2018	05/09/2018	10.9%	Đã bán
DXG	25.3	28.0	23.0	27.20	25.0	27.0	02/08/2018	05/09/2018	8.0%	Đã bán
GMD	25.3	28.0	23.0	27.00	25.0	27.0	02/08/2018	13/09/2018	8.0%	Đã bán
PVD	13.7	15.2	12.5	15.10	13.6	14.6	02/08/2018	16/08/2018	7.4%	Đã bán
OIL	14.4	16.0	13.2	15.10	14.3	15.2	20/07/2018	16/08/2018	6.3%	Đã bán

LIÊN HỆ TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VNCS: vncs.research@vn-cs.com

Người thực hiện: **Lưu Chí Kháng**
Chuyên viên Phân tích Cao cấp
Email: khanglc@vn-cs.com

Người thực hiện: **Đỗ Thị Hương**
Trợ lý Phân tích
Email: huongdt@vn-cs.com

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VNCS

Đỗ Bảo Ngọc

Phó Tổng giám đốc & Giám đốc trung tâm nghiên cứu
Email: ngocdb@vn-cs.com

Bộ phận Phân tích Ngành và Doanh nghiệp

Nguyễn Đức Minh

Chuyên viên Phân tích Cao cấp
Email: minhnd@vn-cs.com

Trần Vũ Phương Liên

Chuyên viên phân tích
Email: lientvp@vn-cs.com

Vũ Thùy Dương

Chuyên viên phân tích
Email: duongvt@vn-cs.com

**Bộ phận Phân tích Kinh tế Vĩ mô
và Thị trường Chứng khoán**

Lưu Chí Kháng

Chuyên viên Phân tích Cao cấp
Email: khanglc@vn-cs.com

Đỗ Thị Hương

Trợ lý Phân tích
Email: huongdt@vn-cs.com

Hệ Thống Khuyến Nghị: Hệ thống khuyến nghị của CTCP Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam (VNCS) được xây dựng dựa trên mức chênh lệch của giá mục tiêu 12 tháng và giá cổ phiếu trên thị trường tại thời điểm đánh giá.

Xếp hạng	Khi (giá mục tiêu – giá hiện tại)/giá hiện tại
MUA	$\geq 20\%$
KHẢ QUAN	Từ 10% đến 20%
PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG	Từ -10% đến +10%
KÉM KHẢ QUAN	Từ -10% đến -20%
BÁN	$\leq -20\%$

Tuyên bố miễn trách nhiệm: Bản quyền năm 2018 thuộc về Công ty Cổ phần Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam (VNCS). Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và VNCS không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Quan điểm thể hiện trong báo cáo này là của (các) tác giả và không nhất thiết liên hệ với quan điểm chính thức của VNCS. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay khuyến nghị mua/bán bất kỳ chứng khoán nào. Báo cáo này không được phép sao chép, tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của VNCS.

TRỤ SỞ VNCS

Tầng 3 Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, Cầu Giấy, Hà Nội
ĐT: + 84 24 3926 0099
Webiste: www.vn-cs.com